

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1756/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Hồng;

2/ Ông Đinh Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 640/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông CVT, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: aa QL1 (nay là đường LĐA), phường BT, Thành phố H. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà HTH, sinh năm: 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: bb đường CC, khu phố bb, phường BT, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà CTTH1, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: aa QL1 (nay là đường LĐA), phường BT, Thành phố H. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông CVT trình bày:

Ngày 10/11/2020, vợ chồng ông CVT và CTTH1 có cho bà HTH vay số tiền 150.000.000 đồng, ông T và bà H1 đã giao đủ số tiền vay cho bà H, giao bằng tiền

mặt. Hai bên có lập giấy vay tiền và bà HTH có ký xác nhận với bà CTTH1 nhưng không có ghi thời hạn trả nợ chỉ ghi khi nào cần trả thì thông báo trước 01 tháng cho bà H biết.

Ông T đã có nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không có thiện chí hợp tác thanh toán nợ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Ông T có làm đơn gửi khu phố thì bà H có thừa nhận nợ theo biên bản làm việc ngày 05/7/2024 và có hứa trả tiền.

Ngày 07/06/2024 ông T có làm thông báo đòi nợ yêu cầu bà HTH thanh toán khoảng nợ nêu trên trong thời gian từ ngày 07/06/2024 đến ngày 07/07/2024. Nhưng quá thời hạn trên bà H vẫn không có động thái trả nợ. Đến ngày 05/01/2025 thì bà H có trả cho vợ chồng ông T số tiền là 15.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt không làm biên nhận. Sau đó thì bà H không trả nữa.

Nay ông T yêu cầu bà HTH trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 135.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền gốc 135.000.000 đồng, tính từ ngày 05/01/2025 đến ngày 26/9/2025 là 9.711.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến khi bà H trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi. Yêu cầu toàn bộ các khoản nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Ông T yêu cầu bà HTH phải chịu theo quy định.

Bị đơn bà HTH: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và công khai chứng cứ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà CTTH1 trình bày: Bà H1 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng bà là ông CVT, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà H1 không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà CTTH1 có yêu cầu vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 10/11/2020 bà HTH có vay của ông CVT 150.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ mà thời hạn trả là khi nguyên đơn báo trước 01 tháng. Nguyên đơn đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến ngày 05/01/2025 bị đơn mới trả 15.000.000 đồng. Do đó, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc là 135.000.000 đồng và lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông CVT khởi kiện yêu cầu bị đơn bà HTH trả số tiền vay. Bị đơn là bà HTH có địa chỉ cư trú tại phường BT, Thành phố H nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Nguyên đơn ông CVT yêu cầu bà HTH trả số tiền vay là 135.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 9.711.000 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Giấy mượn tiền ngày 10/11/2020 do nguyên đơn ông CVT cung cấp có nội dung bà HTH có mượn của ông CVT số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi nào lấy báo trước một tháng bà H sẽ hoàn trả lại và hai bên không có thỏa thuận tiền lãi. Trong giấy mượn tiền có chữ ký người vay là bà HTH, còn người cho vay ký tên là CTTH1. Theo như ông CVT và bà CTTH1 trình bày thì số tiền trên là tiền chung của vợ chồng ông bà cho bà H vay, nhưng ông T chỉ để cho vợ là bà H1 ký với bà H. Vợ chồng ông T bà H1 cũng đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả, ngày 07/06/2024 ông T có gửi thông báo đòi nợ yêu cầu bà HTH thanh toán khoảng nợ nêu trên trong thời gian từ ngày 07/06/2024 đến ngày 07/07/2024, quá thời hạn trên bà H vẫn không có động thái trả nợ.

Trong buổi làm việc ngày 05/7/2024 tại khu phố giữa bà H với nhiều chủ nợ, trong đó có nguyên đơn thì bà H hứa khi nào bán được nhà sẽ trả bớt. Đến ngày 05/01/2025 thì nguyên đơn xác nhận bà H trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt không làm biên nhận. Sau đó thì bà H không trả nữa.

Về phía bị đơn bà HTH, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ vào quy định tại Điều 91 và Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119 và Điều 280 Bộ luật dân sự xác định bà HTH có vay của vợ chồng ông CVT và bà CTTH1 số tiền 150.000.000 đồng, bà H mới chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông CVT và bà CTTH1 số tiền 15.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 135.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” và mức lãi suất của Khoản 2 Điều 468 được xác định là không vượt quá 10%/năm. Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi khi cho vay, ngày 05/7/2024 nguyên đơn yêu cầu và bị đơn hứa trả tiền, nhưng đến ngày 05/01/2025 thì nguyên đơn mới yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn và mức lãi suất 0.83%/tháng (tương đương 10%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn ông CVT buộc bà HTH trả cho vợ chồng ông số tiền vay là 135.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2025 là 9.711.000 đồng, tổng cộng là số tiền là 144.711.000 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Yêu cầu một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi trên, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà HTH phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho nguyên đơn ông CVT tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông CVT:

Buộc bà HTH phải trả cho ông CVT và bà CTTH1 số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2025 là 144.711.000 (Một trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn) đồng, bao gồm tiền gốc là 135.000.000 đồng tiền lãi là 9.711.000 đồng. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà HTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.235.550 (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Hoàn lại cho ông CVT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.501.056 (Ba triệu năm trăm lẻ một nghìn không trăm năm mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0077816 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- THA DS TPHCM;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hạnh